BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐH HÀNG HẢI VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1669 /QĐ-ĐHHHVN-CTSV

Hải Phòng, ngày 15 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp kinh phí hỗ trợ công tác cố vấn học tập kỳ 1 năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-HĐT ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;

Căn cứ Quyết định số 1300/QĐ-ĐHHHVN ngày 28 tháng 06 năm 2021 và HD số 1244/HD-ĐHHHVN ngày 27/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam ban hành quy định về công tác cố vấn học tập sinh viên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng CTSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp kinh phí hỗ trợ công tác cố vấn học tập kỳ 1 năm học 2022-2023 cho các cố vấn học tập (có danh sách kèm theo).

Tổng số tiền: **204.500.000** đồng *(Hai trăm linh bốn triệu, lăm trăm ngàn đồng chẵn).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các Phòng: TC-HC, Đào tạo, CTSV, KH-TC, cá nhân có tên tại Điều 1, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu:VT, CTSV.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Minh Đức

DANH SÁCH CVHT HK I - NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số: 1669 /QĐ-ĐHHHVN, ngày 15 tháng 09 năm 2023)

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	CHỨC VỤ	SỐ TIỀN (Đ)	SỐ TÀI KHOẢN	TÊN NH THỤ HƯỞNG
1	Mai Xuân Hương	Khoa Hàng hải	Trưởng ngành	1.250.000	1016587477	VCB
2	Nguyễn Đình Hải	Khoa Hàng hải	CVHT	1.000.000	1016518138	VCB
3	Phạm Văn Luân	Khoa Hàng hải	CVHT	1.000.000	0031000217468	VCB
4	Nguyễn Quang Duy	Khoa Hàng hải	CVHT	1.000.000	1016528242	VCB
5	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Hàng hải	CVHT	1.000.000	1016795316	VCB
6	Lê Tuấn Sơn	Khoa Hàng hải	CVHT	1.000.000	1028372407	VCB
7	Lê Xuân Việt	Khoa Hàng hải	CVHT	1.000.000	1016587012	VCB
8	Lê Đức Bình	Khoa Hàng hải	CVHT	1.000.000	1020547588	VCB
9	Lương Thị Kim Dung	Khoa Hàng hải	Trưởng ngành	1.250.000	1016559452	VCB
10	Nguyễn Đình Thuý Hường	Khoa Hàng hải	CVHT	1.000.000	1016561950	VCB
11	Hoàng Thị Hồng Hạnh	Khoa Hàng hải	CVHT	1.000.000	1028665391	VCB
12	Nguyễn Lê Kim Phúc	Khoa Hàng hải	CVHT	1.000.000	1016562732	VCB
13	Trần Lê Thu Trang	Khoa Hàng hải	CVHT	1.000.000	1016563234	VCB
14	Nguyễn Xuân Long	Khoa Hàng hải	Trưởng ngành	1.250.000	0031000409207	VCB
15	Phan Văn Hưng	Khoa Hàng hải	CVHT	1.000.000	1016562275	VCB
16	Ngô Như Tại	Khoa Hàng hải	CVHT	1.000.000	1016590301	VCB
17	Lương Tú Nam	Khoa Hàng hải	CVHT	1.000.000	1016590173	VCB
18	Phạm Tất Tiệp	Khoa Hàng hải	CVHT	1.000.000	1016589428	VCB
19	Đặng Thanh Tùng	K. Máy tàu biển	Trưởng ngành	1.250.000	1016641197	VCB
20	Đỗ Minh Phong	K. Máy tàu biển	CVHT	1.000.000	1016640903	VCB
21	Tô Trọng Hiển	K. Máy tàu biển	CVHT	1.000.000	108005382418	Viettinbank
22	Cao Văn Bính	K. Máy tàu biển	CVHT	1.000.000	1016641233	VCB
23	Trần Văn Thắng	K. Máy tàu biển	CVHT	1.000.000	0031000255270	VCB
24	Đinh Vương Quý	K. Máy tàu biển	CVHT	1.000.000	1016700334	VCB
25	Nguyễn Doãn Hoài	K. Máy tàu biển	CVHT	1.000.000	1016494118	VCB
26	Đỗ Văn Đoàn	K. Máy tàu biển	Trưởng ngành	1.250.000	1016664389	VCB
27	Bùi Thị Hằng	K. Máy tàu biển	CVHT	1.000.000	1016661748	VCB
28	Đỗ Thị Hiền	K. Máy tàu biển	CVHT	1.000.000	1016663113	VCB
29	Phạm Văn Việt	K. Máy tàu biển	CVHT	1.000.000	1027746768	VCB
30	Nguyễn Tuấn Anh	K. Máy tàu biển	Trưởng ngành	1.250.000	1016687308	VCB
31	Lê Đăng Khánh	K. Máy tàu biển	CVHT	1.000.000	0031000245681	VCB

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	CHỨC VỤ	SỐ TIỀN (Đ)	SỐ TÀI KHOẢN	TÊN NH THỤ HƯỞNG
32	Vũ Anh Tuấn	K. Máy tàu biển	CVHT	1.000.000	1016690983	VCB
33	Vũ Đức Anh	K. Máy tàu biển	CVHT	1.000.000	1016691148	VCB
34	Vũ Xuân Hậu	K. Máy tàu biển	CVHT	1.000.000	105004941632	Viettinbank
35	Nguyễn Minh Đức	K. Máy tàu biển	CVHT	1.000.000	1016698616	VCB
36	Phạm Văn Triệu	K. Máy tàu biển	Trưởng ngành	1.250.000	0031000240538	VCB
37	Vũ Văn Mừng	K. Máy tàu biển	CVHT	1.000.000	105004943370	Viettinbank
38	Lưu Quang Hiệu	K. Máy tàu biển	CVHT	1.000.000	1016640776	VCB
39	Đàm Văn Tùng	K. Máy tàu biển	CVHT	1.000.000	1026590669	VCB
40	Lê Văn Tâm	K. Điện-Điện tử	Trưởng ngành	1.250.000	31001126090	VCB
41	Hứa Xuân Long	K. Điện-Điện tử	CVHT	1.000.000	0031000181491	VCB
42	Đào Quang Khanh	K. Điện-Điện tử	CVHT	1.000.000	0031000221266	VCB
43	Đỗ Khắc Tiệp	K. Điện-Điện tử	CVHT	1.000.000	1016577841	VCB
44	Phạm Việt Hưng	K. Điện-Điện tử	Trưởng ngành	1.250.000	1016565711	VCB
45	NguyễnThanh Vân B	K. Điện-Điện tử	CVHT	1.000.000	1016378657	VCB
46	Lê Thị Ngọc Vy	K. Điện-Điện tử	CVHT	1.000.000	9834207400	VCB
47	Vũ Văn Rực	K. Điện-Điện tử	CVHT	1.000.000	0031000682823	VCB
48	Nguyễn Thị Thu Phương	K. Điện-Điện tử	CVHT	1.000.000	0031000299199	VCB
49	Lưu Quang Hưng	K. Điện-Điện tử	CVHT	1.000.000	1016655630	VCB
50	Đặng Hồng Hải	K. Điện-Điện tử	Trưởng ngành	1.250.000	1016571645	VCB
51	Phạm Thị Hồng Anh	K. Điện-Điện tử	CVHT	1.000.000	1016572033	VCB
52	Trần Thị Phương Thảo	K. Điện-Điện tử	CVHT	1.000.000	0031000421900	VCB
53	Nguyễn Văn Tiến	K. Điện-Điện tử	CVHT	1.000.000	1016573134	VCB
54	Vũ Thị Thu	K. Điện-Điện tử	CVHT	1.000.000	1016572436	VCB
55	Vũ Ngọc Minh	K. Điện-Điện tử	CVHT	1.000.000	0031000682401	VCB
56	Đỗ Thị Chang	K. Điện-Điện tử	CVHT	1.000.000	1016573237	VCB
57	Nguyễn Hữu Quyền	K. Điện-Điện tử	Trưởng ngành	1.250.000	1016569675	VCB
58	Nguyễn Thanh Vân A	K. Điện-Điện tử	CVHT	1.000.000	1016569465	VCB
59	Đoàn Hữu Khánh	K. Điện-Điện tử	CVHT	1.000.000	1016569813	VCB
60	Phạm Minh Thảo	K. Điện-Điện tử	CVHT	1.000.000	1016569900	VCB
61	Nguyễn Văn Hùng	K. Điện-Điện tử	CVHT	1.000.000	0031000354861	VCB
62	Lê Thị Thanh Tâm	K. Điện-Điện tử	CVHT	1.000.000	1016570050	VCB
63	Đỗ Thị Anh Thư	Khoa Ngoại ngữ	Trưởng ngành	1.250.000	0031000380351	VCB
64	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Ngoại ngữ	CVHT	1.000.000	1016795508	VCB
65	Ngô Ngọc Trâm	Khoa Ngoại ngữ	CVHT	1.000.000	1016810330	VCB

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	CHỨC VỤ	SỐ TIỀN (Đ)	SỐ TÀI KHOẢN	TÊN NH THỤ HƯỞNG
66	Nguyễn Đình Duy	Khoa Ngoại ngữ	CVHT	1.000.000	1016798430	VCB
67	Phạm Thị Quỳnh Trâm	Khoa Ngoại ngữ	CVHT	1.000.000	1016799195	VCB
68	Hoàng Thị Thu Hà	Khoa Ngoại ngữ	Trưởng ngành	1.250.000	1016795299	VCB
69	Phạm Thùy Linh	Khoa Ngoại ngữ	CVHT	1.000.000	0031000276348	VCB
70	Nguyễn Phương Hạnh	Khoa Ngoại ngữ	CVHT	1.000.000	1016795527	VCB
71	Vũ Thị Bích Ngọc	Khoa Ngoại ngữ	CVHT	1.000.000	1031000002030	VCB
72	Vũ Minh Hoa	Khoa Ngoại ngữ	CVHT	1.000.000	1016795559	VCB
73	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	Khoa Đóng tàu	Trưởng ngành	1.250.000	1016791685	VCB
74	Phạm Thị Thanh Hải	Khoa Đóng tàu	CVHT	1.000.000	1016791714	VCB
75	Vũ Văn Tuyển	Khoa Đóng tàu	Trưởng ngành	1.250.000	1016791936	VCB
76	Nguyễn Thị Hải Hà	Khoa Đóng tàu	CVHT	1.000.000	0031000135050	VCB
77	Nguyễn Lan Hương	Viện Cơ khí	Trưởng ngành	1.250.000	1016786793	VCB
78	Phạm Thị Yến	Viện Cơ khí	CVHT	1.000.000	1016786864	VCB
79	Vũ Văn Tập	Viện Cơ khí	CVHT	1.000.000	0031000376145	VCB
80	Lê Thị Minh Phương	Viện Cơ khí	CVHT	1.000.000	1016786979	VCB
81	Hoàng Mạnh Cường	Viện Cơ khí	Trưởng ngành	1.250.000	1016794286	VCB
82	Nguyễn Đình Khiêm	Viện Cơ khí	CVHT	1.000.000	1016794407	VCB
83	Phạm Đình Bá	Viện Cơ khí	CVHT	1.000.000	1016794384	VCB
84	Nguyễn Đức Sang	Viện Cơ khí	CVHT	1.000.000	0031000371778	VCB
85	Phan Văn Dương	Viện Cơ khí	CVHT	1.000.000	104004266878	Viettinbank
86	Hoàng Văn Nam	Viện Cơ khí	Trưởng ngành	1.250.000	1016792071	VCB
87	Vũ Thái Sơn	Viện Cơ khí	CVHT	1.000.000	1016792216	VCB
88	Nguyễn Mạnh Nên	Viện Cơ khí	CVHT	1.000.000	1016792198	VCB
89	Phạm Ngọc Ánh	Viện Cơ khí	CVHT	1.000.000	1016792155	VCB
90	Vũ Thị Thu Trang	Viện Cơ khí	CVHT	1.000.000	1016792107	VCB
91	Nguyễn Chí Công	Viện Cơ khí	CVHT	1.000.000	1016792087	VCB
92	Dương Xuân Quang	Viện Cơ khí	Trưởng ngành	1.250.000	0031000314650	VCB
93	Nguyễn Đức Bình	Viện Cơ khí	CVHT	1.000.000	0031000976693	VCB
94	Nguyễn Mạnh Chiều	Viện Cơ khí	CVHT	1.000.000	1016367807	VCB
95	Nguyễn Tiến Dũng	Viện Cơ khí	Trưởng ngành	1.250.000	1016769162	VCB
96	Nguyễn Dương Nam	Viện Cơ khí	CVHT	1.000.000	0031000154278	VCB
97	Ngô Gia Việt	Viện Cơ khí	CVHT	1.000.000	1016375015	VCB
98	Lê Đình Nghiêm	Viện Cơ khí	CVHT	1.000.000	1016772038	VCB
99	Hoàng Văn Thành	Viện Cơ khí	CVHT	1.000.000	0031000132344	VCB

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	CHỨC VỤ	SỐ TIỀN (Đ)	SỐ TÀI KHOẢN	TÊN NH THỤ HƯỞNG
100	Nguyễn Văn Hoàn	Viện Cơ khí	CVHT	1.000.000	1016769544	VCB
101	Đinh Thị Thúy Hằng	Viện Môi Trường	Trưởng ngành	1.250.000	0031000180679	VCB
102	Nguyễn Thị Thư	Viện Môi Trường	CVHT	1.000.000	1016307918	VCB
103	Nguyễn Thị Nương	Viện Môi Trường	CVHT	1.000.000	1016311855	VCB
104	Nguyễn Thị Thùy Linh	Viện Môi Trường	CVHT	1.000.000	1016312121	VCB
105	Trương Văn Tuấn	Viện Môi Trường	CVHT	1.000.000	1016821130	VCB
106	Nguyễn Thị Như Ngọc	Viện Môi Trường	CVHT	1.000.000	1016820970	VCB
107	Nguyễn Hoàng Yến	Viện Môi Trường	CVHT	1.000.000	1016821167	VCB
108	Nguyễn Thị Thu	Viện Môi Trường	CVHT	1.000.000	1016821328	VCB
109	Nguyễn Thị Như	Viện Môi Trường	Trưởng ngành	1.250.000	1016821921	VCB
110	Trương Thị Hạnh	Viện Môi Trường	CVHT	1.000.000	1016309301	VCB
111	Võ Hoàng Tùng	Viện Môi Trường	CVHT	1.000.000	1016821972	VCB
112	Phạm Ngọc Thanh	Khoa QT-TC	Trưởng ngành	1.250.000	1016761629	VCB
113	Nguyễn Thị Minh Anh	Khoa QT-TC	CVHT	1.000.000	9819027793	VCB
114	Nguyễn Thị Phương Mai	Khoa QT-TC	CVHT	1.000.000	0031000162564	VCB
115	Lê Hồng Nhung	Khoa QT-TC	CVHT	1.000.000	0031000393907	VCB
116	Phan Thị Minh Châu	Khoa QT-TC	CVHT	1.000.000	103867230343	Viettinbank
117	Hoàng Thị Thúy Phương	Khoa QT-TC	CVHT	1.000.000	1016761887	VCB
118	Hoàng Thị Phương Lan	Khoa QT-TC	Trưởng ngành	1.250.000	1016749816	VCB
119	Trần Thị Huyên	Khoa QT-TC	CVHT	1.000.000	0031000317763	VCB
120	Đinh Thị Thu Ngân	Khoa QT-TC	CVHT	1.000.000	1016751319	VCB
121	Đào Văn Thi	Khoa QT-TC	CVHT	1.000.000	1016752292	VCB
122	Đỗ Mạnh Toàn	Khoa QT-TC	CVHT	1.000.000	0031000239326	VCB
123	Nguyễn Thị Hoa	Khoa QT-TC	CVHT	1.000.000	1016753140	VCB
124	Lê Chiến Thắng	Khoa QT-TC	CVHT	1.000.000	1016723884	VCB
125	Lê Nhật Tân	Khoa QT-TC	CVHT	1.000.000	1018779266	VCB
126	Tô Văn Tuấn	Khoa QT-TC	Trưởng ngành	1.250.000	1016034103	VCB
127	Nguyễn Minh Trang	Khoa QT-TC	CVHT	1.000.000	1016723615	VCB
128	Đoàn Thu Hương	Khoa QT-TC	CVHT	1.000.000	0031000234548	VCB
129	Phạm Thị Thu Hằng	Khoa Kinh tế	Trưởng ngành	1.250.000	1016761735	VCB
130	Nguyễn Đại Dương	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1031000016980	VCB
131	Nguyễn Thị Hương Giang	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	0031000216743	VCB
132	Nguyễn Thị Thanh Bình	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1016743564	VCB
133	Phạm Thị Quỳnh Mai	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	103005745950	Viettinbank

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	CHỨC VỤ	SỐ TIỀN (Đ)	SỐ TÀI KHOẢN	TÊN NH THỤ HƯỞNG
168	Nguyễn Văn Minh	K. Công Trình	Trưởng ngành	1.250.000	1016792827	VCB
169	Nguyễn Gia Khánh	K. Công Trình	CVHT	1.000.000	0031000335316	VCB
170	Phạm Văn Toàn	K. Công Trình	Trưởng ngành	1.250.000	106001889831	Viettinbank
171	Đoàn Như Sơn	K. Công Trình	CVHT	1.000.000	106006481703	Viettinbank
172	Phạm Thị Ly	K. Công Trình	CVHT	1.000.000	1016792655	VCB
173	Nguyễn Thị Hồng	K. Công Trình	Trưởng ngành	1.250.000	0031000221020	VCB
174	Nguyễn Quang Huy	K. Công Trình	CVHT	1.000.000	0031000377708	VCB
175	Đỗ Hồng Quân	K. Công Trình	CVHT	1.000.000	0031000221334	VCB
176	Ngô Việt Anh	K. Công Trình	Trưởng ngành	1.250.000	1016343628	VCB
177	Trần Văn Tùng	K. Công Trình	CVHT	1.000.000	109000784128	Viettinbank
178	Trần Văn Bôn	K. Công Trình	CVHT	1.000.000	1016792610	VCB
179	Nguyễn Thanh Tùng	K. Công Trình	CVHT	1.000.000	1016792502	VCB
180	Nguyễn Hạnh Phúc	Khoa CNTT	Trưởng ngành	1.250.000	0031000307120	VCB
181	Nguyễn Duy Trường Giang	Khoa CNTT	CVHT	1.000.000	1016761828	VCB
182	Hồ Thị Hương Thơm	Khoa CNTT	CVHT	1.000.000	1016768433	VCB
183	Nguyễn Kim Anh	Khoa CNTT	CVHT	1.000.000	1016768614	VCB
184	Nguyễn Hoàng Thùy Trang	Khoa CNTT	CVHT	1.000.000	1016768945	VCB
185	Trịnh Thị Ngọc Hương	Khoa CNTT	CVHT	1.000.000	0031000260288	VCB
186	Võ Văn Thưởng	Khoa CNTT	CVHT	1.000.000	0031000166470	VCB
187	Nguyễn Trung Quân	Khoa CNTT	CVHT	1.000.000	1016766072	VCB
188	Trần Thị Hương	Khoa CNTT	Trưởng ngành	1.250.000	104006384894	Viettinbank
189	Trần Đình Vương	Khoa CNTT	CVHT	1.000.000	1016763885	VCB
190	Bùi Đình Vũ	Khoa CNTT	CVHT	1.000.000	1016762203	VCB
191	Lê Quyết Tiến	Khoa CNTT	CVHT	1.000.000	1016764067	VCB
192	Cao Đức Hạnh	Khoa CNTT	Trưởng ngành	1.250.000	1016765450	VCB
193	Nguyễn Hữu Tuân	Khoa CNTT	CVHT	1.000.000	1016761789	VCB
194	Phạm Ngọc Duy	Khoa CNTT	CVHT	1.000.000	1016766196	VCB
195	Nguyễn Trung Đức	Khoa CNTT	CVHT	1.000.000	0031000121502	VCB

Tổng cộng: **204.500.000 (đồng)**

(Bằng chữ: Hai trăm linh bốn triệu, năm trăm ngàn đồng chẵn)

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	CHỨC VỤ	SỐ TIỀN (Đ)	SỐ TÀI KHOẢN	TÊN NH THỤ HƯỞNG
134	Hàn Huyền Hương	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1016762011	VCB
135	Trương Thị Như Hà	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1016761798	VCB
136	Vương Thu Giang	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1016761865	VCB
137	Vũ Thanh Trung	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1016762067	VCB
138	Phan Minh Tiến	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	109003739840	Viettinbank
139	Đoàn Trọng Hiếu	Khoa Kinh tế	Trưởng ngành	1.250.000	1016734508	VCB
140	Lương Thị Kim Oanh	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1016734629	VCB
141	Phan Thị Bích Ngọc	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	0031001057451	VCB
142	Huỳnh Tất Minh	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1016735609	VCB
143	Trần Hải Việt	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1016734760	VCB
144	Nguyễn Quỳnh Trang	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1016734962	VCB
145	Đoàn Thị Thu Hằng	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1016735285	VCB
146	Lê Thị Quỳnh Hương	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1031000005808	VCB
147	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1018314602	VCB
148	Lê Sơn Tùng	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1016762213	VCB
149	Bùi Thanh Hải	Khoa Kinh tế	Trưởng ngành	1.250.000	1016743037	VCB
150	Nguyễn Thị Hường	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1016744398	VCB
151	Nguyễn Thị Liên	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1016745412	VCB
152	Vương Thị Hương Thu	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1018070231	VCB
153	Nguyễn Minh Đức	Khoa Kinh tế	Trưởng ngành	1.250.000	1016373722	VCB
154	Phạm Thị Mai Phương	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	0031000294337	VCB
155	Phạm Thị Yến	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1016373980	VCB
156	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1016754178	VCB
157	Nguyễn Hữu Hưng	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1016373376	VCB
158	Nguyễn Thị Lê Hằng	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1016317562	VCB
159	Bùi Thị Thùy Linh	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1016753558	VCB
160	Phạm Văn Huy	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1016753905	VCB
161	Hoàng Thị Lịch	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	0031000279941	VCB
162	Trần Ngọc Hưng	Khoa Kinh tế	CVHT	1.000.000	1016761938	VCB
163	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	K. Công Trình	Trưởng ngành	1.250.000	0031000239933	VCB
164	Phạm Thị Ngà	K. Công Trình	CVHT	1.000.000	1016606947	VCB
165	Phạm Văn Khôi	K. Công Trình	CVHT	1.000.000	1016607016	VCB
166	Vũ Thị Chi	K. Công Trình	Trưởng ngành	1.250.000	1016618291	VCB
167	Đỗ Thị Minh Trang	K. Công Trình	CVHT	1.000.000	1016625715	VCB